TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1335/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Văn Minh.

2. Bà Lương Thị Kim Nghĩa.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 455/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 648/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Ngọc Thiên A, sinh năm: 1991. Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; tạm trú: 55A TL, phường BTĐA, quận BT, Thành phố HCM.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn Ng, sinh năm: 1992. Hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện G, tỉnh H; tạm trú: 55A TL, phường BTĐA, quận BT, Thành phố HCM.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Đặng Ngọc Thiên A trình bày:

Bà và ông Trịnh Văn Ng có thời gian tìm hiểu mới tự nguyện tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh H vào ngày 24/5/2016.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2018 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm sống, vợ chồng

không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống rất ngột ngạt. Hai bên đã cố gắng hòa giải hoàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài nên hai người đã không còn tình cảm gì với nhau. Bà Đặng Ngọc Thiên A cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được và tình cảm giữa hai người không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Tòa án đã cố gắng hòa giải để hai bên trở về đoàn tụ gia đình, cùng chăm lo cho nhau. Tuy nhiên, bà Đặng Ngọc Thiên A vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Trịnh Văn Ng.

Về con chung: có 01 (một) con chung là: Trịnh Đặng Thúy A, sinh ngày: 02/01/2018. Bà Đặng Ngọc Thiên A yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Hiện nay bà làm công việc kế toán tại Công ty TNHH May mặc thế giới thể thao Hồng Chợ Lớn, mức lương hàng tháng từ 10 triệu đến 13 triệu đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Ngọc Thiên A không yêu cầu ông Trịnh Văn Ng cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Ngọc Thiên A tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Trịnh Văn Ng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – bà Đặng Ngọc Thiên A có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn – ông Trịnh Văn Ng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – Bà Đặng Ngọc Thiên A có yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn Ng, ông Ng cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – Bà Đặng Ngọc Thiên A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn – ông Trịnh Văn Ng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2016, ngày 24/5/2016 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh H cấp, cùng lời khai của Bà A về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng, Bà A yêu cầu được ly hôn với ông Ng vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và thời gian ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời đã hết tình cảm với ông Ng nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Ông Ng đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Có nghĩa là ông Ng đã tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa Bà A và ông Ng tại địa phương nơi các đương sự cư trú, tuy nhiên, tại địa phương không nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của hai người. Như vậy, mặc dù giữa hai đương sự không phát sinh mâu thuẫn phải nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng Bà A đã thừa nhận hết yêu thương và hết tình cảm với ông Ng và mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Ng. Thiết nghĩ, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng và vun đắp bằng tình yêu thương từ hai phía, tình yêu cũng là nền tảng vững chắc để xây dựng hôn nhân hạnh phúc và bền vững. Tuy nhiên, Bà A đã khẳng định không còn yêu thương ông Ng nên không đồng ý hàn gắn gia đình. Ông Ng vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Bà A. Cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa hai người đã không có tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa hai người đã làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Vì vậy, việc đoàn tụ và hàn gắn tình cảm giữa Bà A và ông Ng là khó thực hiện được. Do đó, việc giải quyết ly hôn là cần thiết, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà A.

Về con chung: có 01 (một) con chung là Trịnh Đặng Thúy A, sinh ngày: 02/01/2018, Bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Ông Ng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu này, mặt khác hiện nay Bà A đang là người trực tiếp nuôi con, Bà A có công việc, có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, giao trẻ Trịnh Đặng Thúy A cho Bà A được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà A về việc không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do Bà Đặng Ngọc Thiên A phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà Bà A đã nộp theo biên lai thu số 0012409 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Đặng Ngọc Thiên A đối với ông Trịnh Văn Ng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2016, ngày 24 tháng 5 năm 2016 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh H cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung là Trịnh Đặng Thúy A, sinh ngày: 02/01/2018, giao trẻ An cho Bà A được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà A về việc không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng cho trẻ An.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A tự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do Bà Đặng Ngọc Thiên A phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Bà A đã nộp theo biên lai thu số 0012409 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Lệ Hoa